Mẫu số 04-DS (ban hành theo Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐTP ngày 13 tháng 01 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao

TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH LAI CHÂU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 02/2017/QĐST – HNGD	***T, ngày 07 tháng 11 năm 2017***

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 01/2017/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2017 giữa:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị N- sinh năm 1976.

Bị đơn: Anh Trần Văn T- sinh năm 1972.

Cùng địa chỉ: Khu 6, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51, 54, 55, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản hoà giải ngày 30 tháng 10 năm 2017 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Dân sự thụ lý số: 01/2017/TLST – HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 10 năm 2017, là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Phạm Thị N và anh Trần Văn T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị N - sinh năm 1976.

Địa chỉ: Khu 6, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu.

Bị đơn: Anh Trần Văn T- sinh năm 1972.

Địa chỉ: Khu 6, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu.

Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

a. Về tình cảm: Chị Phạm Thị N và anh Trần Văn T thống nhất thuận tình ly hôn.

b. Về con chung: Các cháu đã trưởng thành nên cả hai không yêu cầu giải quyết.

c. Về tài sản chung, nợ chung: Cả hai không yêu cầu giải quyết.

d. Về án phí dân sự sơ thẩm 150.000 đồng: Áp dụng Điều 147 BLTTDS và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Phạm Thị N và anh Trần Văn T mỗi người phải chịu một nửa là 75.000 đồng án phí DSST, chị Phạm Thị N nhận nộp thay anh Trần Văn T số tiền 75.000đ án phí DSST. Xác nhận chị Phạm Thị N đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số: 0001449 ngày 12 tháng 10 năm 2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Lai Châu.

Nay chị Phạm Thị N được trả lại 150.000đ

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện T;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã M, huyện M- tỉnh N;
- Lưu HS-TA.

THẨM PHÁN

Vũ Văn Bình